

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1069/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12-11-2019

*“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q - TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đông Thiên

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Thị Bích Hợp  
2. Bà Hoàng Thị Thành

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đỗ Quang Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q:***

Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số 702/2019 /TLST-HNGĐ ngày 30.7.2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Thanh N - SN: 1983

Địa chỉ : tổ A, kVB, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

**Bị đơn** : Anh Trần Văn T - SN: 1980

Địa chỉ : tổ A, kVB, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*( Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 30.5.2019 và các lời khai tiếp theo tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị Thanh N trình bày :*

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, thời gian khoảng 1 năm sau đó đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định vào ngày 10.12.2007. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, vô cớ đánh đập vợ con; chị đã nộp đơn xin ly hôn ra Tòa vào tháng 11.2018 và tháng 5.2019 nhưng xin rút đơn về để anh T có thời gian sửa đổi, nhưng anh T vẫn chứng nào tật đó không thay đổi. Chị bỏ nhà về ở mẹ ruột từ tháng 3.2019 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung nặng nề, chị xin ly hôn anh T.

Vợ chồng có 3 con chung: cháu Trần Lê Bảo T sinh ngày 05.10.2003, cháu Trần Lê Bảo H sinh ngày 08.6.2002, cháu Trần Lê Quốc T sinh ngày 26.11.2005, sức khỏe 3 cháu bình thường; ly hôn chị đồng ý giao 3 cháu cho anh T nuôi dưỡng; tại Tòa, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi 3 cháu mỗi tháng 2.000.000đ

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

*\* Bị đơn anh Trần Văn T: không đến Tòa làm việc, Tòa đã tiến hành lấy lời khai nhưng anh T không ký biên bản, xác minh tại địa phương, tổng đạt hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.*

*Ý kiến đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên tòa phát biểu:*

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên Tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự quy định. Tuy nhiên thẩm phán xử lý đơn còn vi phạm thời gian.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thanh N về việc xin ly hôn anh Trần Văn T và nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không giải quyết; án phí chị N phải chịu theo quy định pháp luật

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, có tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N xin ly hôn anh T, còn anh T không đến Tòa làm việc trong quá trình giải quyết vụ án; Tòa án nhân dân thành phố Q đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần gửi giấy báo triệu tập, lấy lời khai của anh T nhưng anh T không ký biên bản, xác minh tại địa phương và thông báo về phiên hòa giải, phiên xét xử cho anh T nhưng anh T đều không đến Tòa làm việc. Đây là trường hợp bị đơn cố tình lẩn tránh gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, nên Tòa vẫn đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

*Tòa xét:*

Chị N và anh T kết hôn tại UBND phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định vào ngày 10.12.2007. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường nhưng sau nhiều năm chung sống giữa hai anh chị bộc lộ nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, vô cớ đánh đập vợ con; chị đã nộp đơn xin ly hôn ra Tòa vào tháng 11.2018 và tháng 5.2019 nhưng xin rút đơn về đề anh T có thời gian sửa đổi, nhưng anh T vẫn chứng nào tật đó không thay đổi. Là vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, tin tưởng, gần gũi, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây anh chị sống ly thân một thời gian dài, tình cảm, trách nhiệm đối với nhau không còn. Mặt khác, anh T không đến Tòa hòa giải, điều đó chứng tỏ anh T không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Xét thấy nghĩa vụ giữa vợ chồng anh chị đã vi phạm nghiêm trọng làm cho hôn nhân không đạt được, chị N xin ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Vợ chồng có 3 con chung: cháu Trần Lê Bảo T sinh ngày 05.10.2003, cháu Trần Lê Bảo H sinh ngày 08.6.2002, cháu Trần Lê Quốc T sinh ngày 26.11.2005, sức khỏe 3 cháu bình thường; ly hôn chị đồng ý giao 3 cháu cho anh T nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi 3 cháu mỗi tháng 2.000.000đ

*Xét thấy:*

Lâu nay anh T vẫn trực tiếp nuôi dưỡng 3 cháu H, Bảo T và Quốc T, tại các biên bản lấy lời khai 3 cháu đều có nguyện vọng sống cùng cha là anh T, nên để bảo đảm cuộc sống cũng như ổn định về mặt tâm sinh lý cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao 3 cháu H, Bảo T và Quốc T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/3 cháu. Căn cứ vào nghị định 157/2018/NĐ-CP ngày 16.11.2018 của chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng; căn cứ thu nhập chị N hàng tháng 4.000.000đ nên qua xem xét HĐXX chấp nhận mức 2.000.000đ/tháng/3 cháu

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị N không yêu cầu nên Tòa không xem xét giải quyết.

- Ý kiến của đại diện VKSND thành phố Q tham dự phiên tòa về nội dung phù hợp theo hướng nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

*Về án phí:* Áp dụng khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Chị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

***Vì các lý trên;***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

### Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thanh N ly hôn anh Trần Văn T

2. Về quan hệ con chung:

- Chị Lê Thị Thanh N và anh Trần Văn T có 3 con chung: cháu Trần Lê Bảo T sinh ngày 05.10.2003, cháu Trần Lê Bảo H sinh ngày 08.6.2002, cháu Trần Lê Quốc T sinh ngày 26.11.2005, sức khỏe 3 cháu bình thường;

- Về nuôi con: Anh Trần Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng 3 con chung: cháu Trần Lê Bảo T sinh ngày 05.10.2003, cháu Trần Lê Bảo H sinh ngày 08.6.2002, cháu Trần Lê Quốc T sinh ngày 26.11.2005,

- Về cấp dưỡng nuôi con:

Chị Lê Thị Thanh N phải đóng góp nuôi con với anh Trần Văn T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tính từ tháng 12 năm 2019 cho đến khi 3 cháu Trần Lê Bảo T, cháu Trần Lê Bảo H và cháu Trần Lê Quốc T thành niên (đủ 18 tuổi).

*Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.*

*Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được cản trở.*

3. Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu, Tòa không giải quyết.

4. Về án phí:

- Về án phí HNGĐ-ST: Chị Lê Thị Thanh N phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001749 ngày 30.7.2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Chị N đã nộp đủ án phí HNGĐ-ST.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Thanh N phải chịu 300.000đ

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án; riêng các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân phường sở tại.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- Các đương sự.
- VKSND Tp. Q
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

***Trần Đông Thiên***

